

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 01 năm 2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Liêu Tài Ngoánh

Ông Huỳnh Tài Em

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Phúc Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2024/QĐST-DS ngày 20/12/2024 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quốc L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

*- Bị đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh L1 có đơn xin xét xử vắng mặt; chị H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2024 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Quốc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L1 và chị Lê Thị H quen biết trên tinh thần tự nguyện và chung sống như vợ chồng từ năm 2019 tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 25/9/2020. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, đến năm 2023 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên đã ly thân với nhau từ năm 2023 đến

nay, do đó không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân. Nay anh L1 nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn chị Lê Thị H, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị H theo quy định, nhưng chị H không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng cho chị H; chị H cũng không có mặt tham gia tố tụng tại Tòa trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án; chị H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ, nhưng không có mặt tại Tòa án, Tòa án đến nhà của chị H để làm việc nhưng không gặp nên không có lời khai.

\* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm:-* Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Xét thấy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc L, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị H.

+ Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận:

*Về tố tụng:*

Anh L1 yêu cầu ly hôn với chị H, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị H cư trú tại xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh L1 có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b, khoản 1,

Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L1, chị H.

*Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh L1 và chị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2019 tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 25/9/2020 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Anh Linh xác định cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh cương quyết yêu cầu ly hôn với chị H. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho chị H, nhưng chị H không quan tâm, quá trình giải quyết vụ án chị H không lần nào đến Tòa án và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh L1. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc gia đình, nhưng nay anh L1 cương quyết xin ly hôn với chị H, mà chị H không có thiện chí hòa giải cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ sự mâu thuẫn, rạn nứt trong quan hệ hôn nhân của anh chị không có khả năng hàn gắn lại được. Mặt khác, hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, anh L1 yêu cầu được ly hôn và xác định không thể tiếp tục chung sống với chị H, thì việc chung sống không được tự nguyện cũng sẽ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L1, cho anh L1 được ly hôn với chị H.

[2] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Quốc L phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Từ các phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Quốc L đối với chị Lê Thị H. Xử cho anh Nguyễn Quốc L được ly hôn với chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Quốc L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Anh L1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005721 ngày 04/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

6. Án xử công khai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu.

**Nguyễn Thị Thanh Tâm**